TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 02 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vạn Thế.

Ông Bùi Văn Nên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Tòng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 313/2017/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2017, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1981, có mặt;

Địa chỉ: Ấp B T, xã B T T, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1979, có đơn xin vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp B T, xã B T T, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/12/2017, trong biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 2003, chị Lê Thị T với anh Nguyễn Hoàng G có tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau, cuộc sống vợ chồng sống rất hạnh phúc. Đến cuối năm 2004, thì phát sinh mâu Tẫn với nhau nhưng chị

vẫn tiếp tục sống chung với anh Nguyễn Hoàng G. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể sống chung với anh Nguyễn Hoàng G được nữa nên khoảng tháng 11 năm 2016, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh Nguyễn Hoàng G đi làm không đem tiền lo cho vợ con, mà gửi tiền cho mẹ chồng giữ và anh Nguyễn Hoàng G thường xuyên uống rượu về chửi vợ con. Chị Lê Thị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nay chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng G.

- Về con chung: Chị Lê Thị T với anh Nguyễn Hoàng G sống chung với nhau có 02 con chung tên Nguyễn Thị B T, sinh ngày 07/9/2004 và con tên Nguyễn Thị Q A, sinh ngày 06/11/2015 (hai cháu hiện đang sống chung với anh Nguyễn Hoàng G). Chị Lê Thị T đồng ý giao hai con chung tên Nguyễn Thị B T, sinh ngày 07/9/2004 và con tên Nguyễn Thị Q A, sinh ngày 06/11/2015 cho anh Nguyễn Hoàng G tiếp tục nuôi dưỡng, chị Lê Thị T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Hoàng G thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Trong biên bản hòa giải và tờ tường trình anh Nguyễn Hoàng G trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng G với chị Lê Thị T kết hôn vào năm 2003, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau, anh Nguyễn Hoàng G với chị Lê Thị T sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2017, thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và phát sinh nhiều mâu thuẫn với chị Lê Thị T. Anh Nguyễn Hoàng G nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nay chị Lê Thị T xin ly hôn với anh, anh G đồng ý.

- Về con chung: Anh Nguyễn Hoàng G với chị Lê Thị T sống chung với nhau có 02 con chung tên Nguyễn Thị B T, sinh ngày 07/9/2004 và con tên Nguyễn Thị Q A, sinh ngày 06/11/2015 (hai cháu hiện đang sống chung với anh Nguyễn Hoàng G). Anh Nguyễn Hoàng G đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị B T, sinh ngày 07/9/2004 và con tên Nguyễn Thị Q A, sinh ngày 06/11/2015, anh Nguyễn Hoàng G không yêu cầu chị Lê Thị T cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Hoàng G và chị Lê Thị T thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 21 tháng 9 năm 2017 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Hoàng G có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên toà, chị Lê Thị T cho rằng, chị và anh Nguyễn Hoàng G kết hôn vào năm 2003, nhưng không đăng ký kết hôn. Do cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu Tẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Hoàng G. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Hoàng G vắng mặt nhưng theo tờ tường trình ngày 22/01/2018, thì anh Nguyễn Hoàng G đồng ý ly hôn với chị Lê Thị T. Do chị Lê Thị T và anh Nguyễn Hoàng G không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 qui định:

1.“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý…”

Theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định:

“ 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....”.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định:

“1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này....”.

Do hôn nhân của chị T và anh G không đăng ký kết hôn nên pháp luật không công nhận chị T và anh G là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị T với anh Nguyễn Hoàng G sống chung với nhau có 02 con chung tên Nguyễn Thị B T, sinh ngày 07/9/2004 và con tên Nguyễn Thị Q A, sinh ngày 06/11/2015 (hai cháu hiện đang sống chung với anh Nguyễn Hoàng G). Nay chị Lê Thị T và anh Nguyễn Hoàng G ly hôn, chị đồng ý giao hai con chung cho anh Nguyễn Hoàng G tiếp tục nuôi dưỡng, chị không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Theo biên bản hòa giải ngày 22/01/2018, thì anh Nguyễn Hoàng G đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị Lê Thị T cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị B T và Nguyễn Thị Q A cho anh Nguyễn Hoàng G tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Lê Thị T không cấp dưỡng nuôi con.

Theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

" 1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thoả Tận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả Tận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng…"

Xét thấy việc thỏa Tận giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Hoàng G là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị Lê Thị T, anh Nguyễn Hoàng G có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Hoàng G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Theo Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì chị Lê Thị T được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định:

"1. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó".

[6] Về tài sản chung: Chị Lê Thị T với anh Nguyễn Hoàng G thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có.

[8] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình quy định Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị T với anh Nguyễn Hoàng G là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Hoàng G tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Thị B T, sinh ngày 07/9/2004 và con tên Nguyễn Thị Q A, sinh ngày 06/11/2015 (hai cháu hiện đang sống chung với anh Nguyễn Hoàng G). Chị Lê Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hoàng G, chị Lê Thị T có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Chị Lê Thị T được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị T với anh Nguyễn Hoàng G thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm:

Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 01962 ngày 16/10/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Chị Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Hoàng G vắng mặt nên được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát huyện Lấp Vò;
- THADS huyện Lấp Vò;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Phước